

### 3. Thông tin về cơ sở vật chất

| Diện tích đất                                                  | Số lượng (m2)   |                |                |                |                 |                |                |                |
|----------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng diện tích khuôn viên đất                                  | 17294           |                |                |                |                 |                |                |                |
| Trong đó: Diện tích đất được cấp                               | 41456           |                |                |                |                 |                |                |                |
| Diện tích đất đi thuê (mượn)                                   |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| Diện tích đất sân chơi, bãi tập                                | 1149            |                |                |                |                 |                |                |                |
| Phòng                                                          | Trên cấp 4      |                | Cấp 4          |                | Tạm             |                | Mượn           |                |
|                                                                | Số lượng        | Diện tích (m2) | Số lượng       | Diện tích (m2) | Số lượng        | Diện tích (m2) | Số lượng       | Diện tích (m2) |
| - Phòng học văn hoá                                            | 5               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| Trong đó:                                                      |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| + Số phòng học đủ DTích và BGGhế phù hợp tổ chức học nhóm      |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| + Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập   |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| + Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng học tin học                                            | 2               | 816            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng học ngoại ngữ                                          | 2               | 816            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng giáo dục thể chất (đa năng)                            | 1               | 889            |                |                |                 |                |                |                |
| - Hội trường                                                   | 1               | 160            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng giáo dục nghệ thuật                                    | 1               | 809            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng giáo dục mỹ thuật                                      |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng giáo dục âm nhạc                                       | 1               | 809            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng Thư viện                                               | 2               | 432            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng thiết bị giáo dục                                      | 1               | 544            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng truyền thống và hoạt động Đội                          | 1               | 544            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật                             | 1               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng y tế học đường                                         | 1               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng hiệu trưởng                                            | 1               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng phó hiệu trưởng                                        | 1               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng giáo viên                                              | 1               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng họp giáo viên (hội đồng)                               | 1               | 544            |                |                |                 |                |                |                |
| - Văn phòng                                                    |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng thường trực - Bảo vệ                                   | 2               | 272            |                |                |                 |                |                |                |
| - Nhà công vụ giáo viên                                        |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng kho lưu trữ                                            |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng khác                                                   |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Nhà bếp                                                      |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng ăn (HS)                                                |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| - Phòng nghỉ (HS)                                              |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| Nhà vệ sinh                                                    | Dùng cho GV Nam |                | Dùng cho GV nữ |                | Dùng cho HS nam |                | Dùng cho HS nữ |                |
|                                                                | Số lượng        | Diện tích (m2) | Số lượng       | Diện tích (m2) | Số lượng        | Diện tích (m2) | Số lượng       | Diện tích (m2) |
| Đạt chuẩn vệ sinh (*)                                          | 1               | 265            | 1              | 265            | 1               | 265            | 1              | 265            |
| Chưa đạt chuẩn vệ sinh                                         |                 |                |                |                |                 |                |                |                |
| Không có                                                       | 0               |                | 0              |                | 0               |                | 0              |                |

(\*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dột nước, nhà tiêu tự hoại